

THÔNG TIN TỔNG QUAN

Trụ lành thương giải phẫu
Straumann® XC (AHA)



VỀ TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN NÀY

Tài liệu quy trình phẫu thuật và phục hình này mô tả các bước cần thiết đối với thao tác đặt và các lựa chọn phục hình cho Trụ lành thương giải phẫu Straumann® XC (AHA). Trụ lành thương giải phẫu Straumann® XC được khuyến cáo chỉ dành cho các bác sĩ lâm sàng và kỹ thuật viên nha khoa có kỹ năng điều trị chuyên sâu. Tài liệu mặc định rằng người sử dụng đã thành thạo trong việc cấy ghép implant và thiết kế các phục hình cá nhân hóa loại bắt vít (screw-retained) hoặc gắn xi măng (cement-retained).

Lưu ý: Hướng dẫn này không bao gồm toàn bộ thông tin cần thiết cho việc thiết kế phục hình, tuy nhiên các tham chiếu đến những cẩm nang quy trình hiện hành của Straumann® (chứa thông tin chi tiết hơn về thiết kế phục hình) sẽ được cung cấp xuyên suốt tài liệu. Không phải tất cả các sản phẩm được minh họa đều có sẵn tại mọi thị trường.

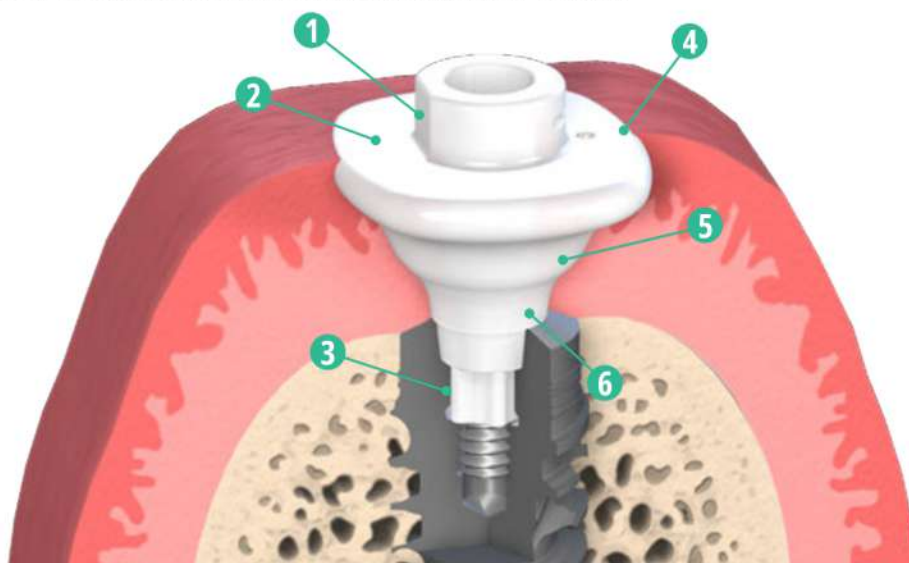
Các cấu trúc phục hình trên implant (superstructures) đòi hỏi bệnh nhân phải duy trì chế độ vệ sinh răng miệng tối ưu. Tất cả các bên liên quan phải cân nhắc yếu tố này trong quá trình lập kế hoạch và thiết kế phục hình.

MỤC LỤC

1. TRỤ LÀNH THƯƠNG GIẢI PHẪU STRAUMANN® XC	4
1.1 Tổng quan về kích thước Trụ lành thương giải phẫu Straumann® XC	5
2. DẠNG THOÁT ĐỒNG NHẤT, TỔNG QUAN VỀ CÁC THÀNH PHẦN TƯƠNG THÍCH	6
3. QUY TRÌNH PHẪU THUẬT ĐỐI VỚI TRỤ LÀNH THƯƠNG GIẢI PHẪU STRAUMANN® XC	8
3.1 Bước 1 – Lập kế hoạch trước phẫu thuật (tùy chọn)	8
3.2 Bước 2 – Đặt Implant	9
3.3 Bước 3 – Gắn Trụ lành thương giải phẫu Straumann® XC	10
3.4 Bước 4 – Quét dấu trong miệng	14
4. QUY TRÌNH LABO ĐỐI VỚI TRỤ LÀNH THƯƠNG GIẢI PHẪU STRAUMANN® XC	15
4.1 Bước 1 – Xác định Trụ lành thương giải phẫu Straumann® XC	15
4.2 Bước 2 & 3 – Cập nhật tệp thư viện & Tải xuống dữ liệu dạng thoát AHA	16
4.3 Bước 4 – Thiết kế phục hình sau cùng	17
5. CÁC LỰA CHỌN QUY TRÌNH PHỤC HÌNH	19
5.1 Straumann® Variobase®	19
5.2 Phôi trụ phục hình cá nhân hóa (Pre-milled abutment blanks) Straumann®	19
5.3 Straumann UN!Q™	20
6. THÔNG TIN BỔ SUNG	21
7. DANH MỤC THAM KHẢO SẢN PHẨM	22

1. TRỤ LÀNH THƯƠNG GIẢI PHẪU STRAUMANN® XC

Các Trụ lành thương giải phẫu Straumann® XC (AHA) chế tác sẵn có dạng thoát giải phẫu được thiết kế định hình từ trước, tích hợp cùng thân quét (scanbody). Khi sử dụng trụ lành thương giải phẫu Straumann® XC, sẽ không còn cần phải sử dụng trụ lành thương và thân quét rời, điều này giúp giảm thiểu thao tác tháo ra và lắp lại nhiều lần các thành phần phục hình, đồng thời hạn chế tối đa tổn thương mô quanh implant trong suốt giai đoạn lành thương. Một mã định danh có thể đọc được bằng máy quét trong miệng (IOS) sẽ thể hiện loại Trụ lành thương giải phẫu Straumann® XC đang được sử dụng, và các mã này hiển thị rõ trong các tệp STL gửi đến labo. Tất cả các Trụ lành thương giải phẫu Straumann® XC đều được đóng gói vô trùng và gắn sẵn kèm theo một ốc kết nối với trụ implant (basal screw) loại RB/WB hoặc WB. Các đặc điểm của trụ lành thương Straumann® XC gồm:



1	Scanbody nguyên khối	- Tính năng quét, cho phép quét dấu trong miệng (IOS) ngang mức mô mềm - Bề mặt phẳng được căn chỉnh khớp với hướng của kết nối TorcFit™
2	Vật liệu Peek	- Có khả năng quét, không cần sử dụng xịt hoặc bột lấy dấu - Có thể thực hiện các điều chỉnh về hình thể nướu ngay tại ghế nha.
3	Kết nối TorcFit™ (BLX và BLC)	- Để tránh sai sót khi lắp ráp, ốc kết nối với trụ chỉ ăn khớp sau khi Trụ lành thương giải phẫu XC đã được lắp khít hoàn toàn. 6 vị trí xoay để căn chỉnh giữa implant và abutment.
4	Mã định danh đọc được bằng IOS	Mã định danh có thể đọc được bằng máy quét trong miệng (IOS) hiển thị rõ trên các tệp quét STL.
5	Dạng thoát giải phẫu	- Hình dáng răng tự nhiên được định hình sẵn (AH 3 mm). - Có sẵn nhiều hình dáng khác nhau (XL, M, S, S1)
6	Dạng thoát đồng nhất	- Tuân theo nguyên lý Consistent Emergence Profiles™ của các abutment sau cùng từ Straumann® - Có sẵn ở hai chiều cao khác nhau (GH 1.5 mm & GH 2.5 mm)

Trụ lành thương giải phẫu Straumann® XC hiện có sẵn các tùy chọn sau:

4 hình dáng được thiết kế theo hình thể răng điển hình ở các vùng răng cụ thể*:

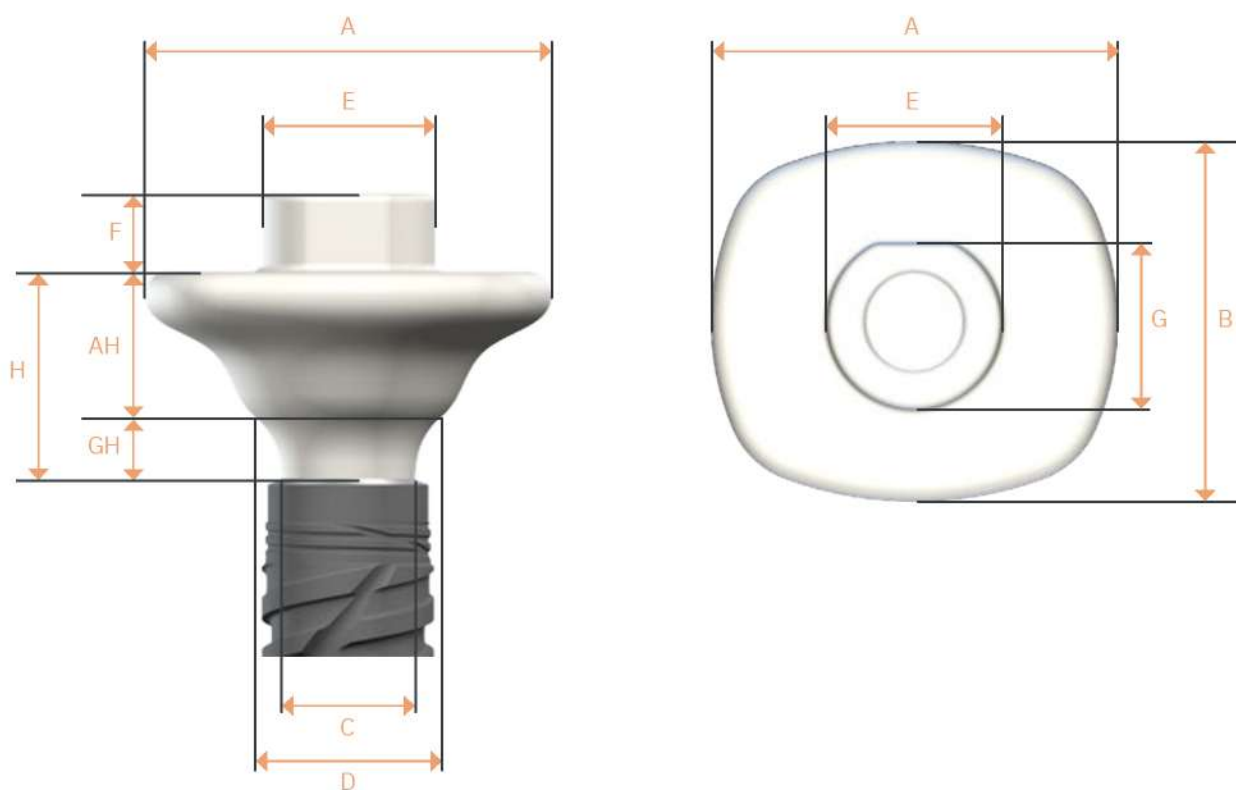
- Dạng S: Thiết kế cho răng cửa giữa hàm trên và răng nanh hàm trên
- Dạng S1: Thiết kế cho răng cửa bên hàm trên, răng cửa giữa và cửa bên hàm dưới, và răng nanh hàm dưới
- Dạng M: Thiết kế cho răng cối nhỏ hàm trên và hàm dưới
- Dạng XL: Thiết kế cho răng cối lớn hàm trên và hàm dưới

• 4 đường kính platform (Ø) cho 2 loại kết nối phục hình (RB/WB và WB): 3.8 mm (RB/WB), 4.5 mm (RB/WB), 5.5 mm (WB), 6.5 mm (WB)

• 2 chiều cao nướu (GH): 1.5 mm, 2.5 mm

* Đây là chỉ định gợi ý, các hình dáng này có thể được sử dụng ở các vùng răng khác tùy thuộc vào đánh giá lâm sàng của bác sĩ.

1.1 TỔNG QUAN VỀ KÍCH THƯỚC TRỤ LÀNH THƯƠNG GIẢI PHẪU STRAUMANN® XC



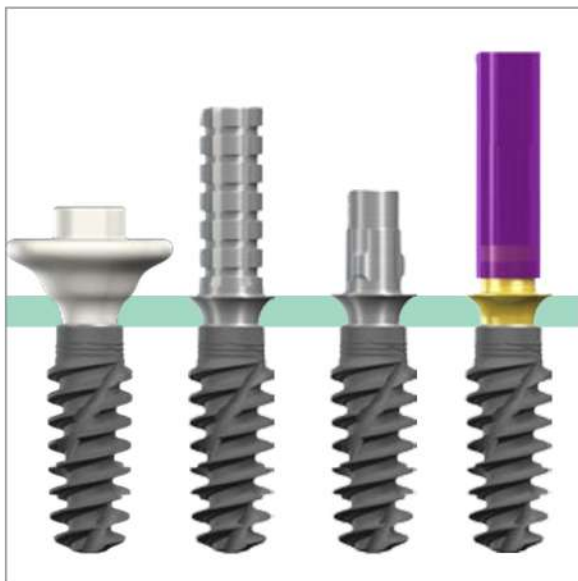
	Mã sản phẩm	Kết nối	(C) Đường kính cổ	(D) Đường kính Platform	(GH) Chiều cao nướu	(AH) Chiều cao Abutment	(H) Tổng chiều cao	(A) Chiều dài Abutment	(B) Chiều rộng Abutment	(E) Đường kính Scanbody	(F) Chiều cao Scanbody	(G) Chiều rộng Scanbody						
Dạng S	064.4432S	R B/ WB	Ø 2.9 mm	Ø 3.8 mm	1.5 mm	3.0 mm	4.5 mm	6.7 mm	5.9 mm	Ø 3.8 mm	1.7 mm	3.6 mm						
	064.4433S				2.5 mm		5.5 mm											
Dạng S1	064.4514S				1.5 mm		4.5 mm	6.2 mm	4.7 mm									
	064.4515S				2.5 mm		5.5 mm											
Dạng M	064.4452S			Ø 4.5 mm	1.5 mm		4.5 mm	7.7 mm	5.2 mm									
	064.4453S				2.5 mm		5.5 mm											
Dạng XL	064.4482S				WB		Ø 3.9 mm	Ø 4.5 mm	1.5 mm				4.5 mm	8.9 mm	7.9 mm			
	064.4483S								2.5 mm				5.5 mm					
	064.8482S		Ø 5.5 mm	1.5 mm					4.5 mm									
	064.4510S			2.5 mm					5.5 mm									
	064.4522S			Ø 6.5 mm				1.5 mm	4.5 mm									
	064.4523S							2.5 mm	5.5 mm									

2. DẠNG THOÁT ĐỒNG NHẤT, TỔNG QUAN VỀ CÁC THÀNH PHẦN TƯƠNG THÍCH

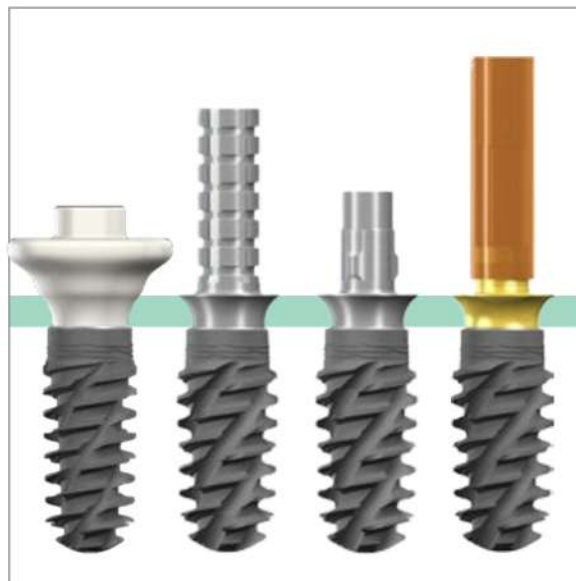
Dòng Implant Bone Level thuộc hệ sinh thái Straumann iEXCEL™ chú trọng vào các kết quả thẩm mỹ thông qua các giải pháp tùy biến, hỗ trợ quá trình tạo hình và duy trì mô mềm tự nhiên. Yếu tố then chốt để đạt được những kết quả này chính là sự đồng nhất trong quá trình kiểm soát mô mềm.

Trụ lành thương giải phẫu Straumann® XC được thiết kế để phù hợp với triết lý này, tuân thủ theo dạng thoát đồng nhất đã được thiết lập trong toàn bộ danh mục phục hình iExcel - bao gồm trụ lành thương, phục hình tạm và abutment sau cùng. Điều này đảm bảo sự đồng nhất của dạng thoát trong suốt quá trình điều trị.

Mỗi trụ lành thương giải phẫu Straumann® XC có chiều cao Abutment (AH) tiêu chuẩn là 3 mm tính từ đường nướu lên trên. Dạng thoát đồng nhất và tuân theo giải phẫu này giúp tối ưu hóa sự lành thương của mô mềm và mang lại kết quả thẩm mỹ khả tiên lượng.



Hình 1. Dạng thoát đồng nhất nhờ các thành phần tương thích (RB).



Hình 2. Dạng thoát đồng nhất nhờ các thành phần tương thích (WB).

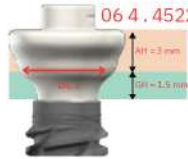
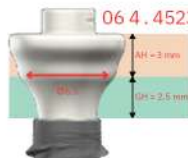
Dạng S		
Ø3.8	Trụ lành thương giải phẫu RB/WB	Ø3.8 Abutment sau cùng
GH 1.5 mm		
GH 2.5 mm		

Dạng XL		
Ø4.5	Trụ lành thương giải phẫu RB/WB	Ø4.5 Abutment sau cùng
GH 1.5 mm		
GH 2.5 mm		

Dạng S1		
Ø3.8	Trụ lành thương giải phẫu RB/WB	Ø3.8 Abutment sau cùng
GH 1.5 mm		
GH 2.5 mm		

Dạng XL		
Ø5.5	Trụ lành thương giải phẫu WB	Ø5.5 Abutment sau cùng
GH 1.5 mm		
GH 2.5 mm		Abutment sau cùng tương ứng đang trong quá trình phát triển

Dạng M		
Ø3.8	Trụ lành thương giải phẫu RB/WB	Ø3.8 Abutment sau cùng
GH 1.5 mm		
GH 2.5 mm		

Dạng XL		
Ø6.5	Trụ lành thương giải phẫu WB	Ø6.5 Abutment sau cùng
GH 1.5 mm		Abutment sau cùng tương ứng đang trong quá trình phát triển
GH 2.5 mm		Abutment sau cùng tương ứng đang trong quá trình phát triển

Lưu ý: Danh mục Abutment tùy chỉnh hiện có sẵn; tuy nhiên, không phải tất cả các tùy chọn đều được cung cấp.



Không đặt trụ lành thương giải phẫu WB lên Implant RB!



3. QUY TRÌNH PHẪU THUẬT ĐỐI VỚI TRỤ LÀNH THƯƠNG GIẢI PHẪU STRAUMANN® XC

Quy trình phẫu thuật đối với Trụ lảnh thương giải phẫu Straumann® XC (AHA) bao gồm các bước sau:

- Bước 1 – Lập kế hoạch trước phẫu thuật (tùy chọn)
- Bước 2 – Đặt Implant
- Bước 3 – Gắn AHA (trụ lảnh thương giải phẫu)
- Bước 4 – Quét trong miệng

3.1 Bước 1 – Lập kế hoạch trước phẫu thuật (tùy chọn)

Lập kế hoạch trước phẫu thuật dựa trên phục hình là điều cần thiết, và sự trao đổi chặt chẽ giữa bệnh nhân, nha sĩ, bác sĩ phẫu thuật và kỹ thuật viên labo là rất quan trọng để đạt được kết quả thẩm mỹ tối ưu.

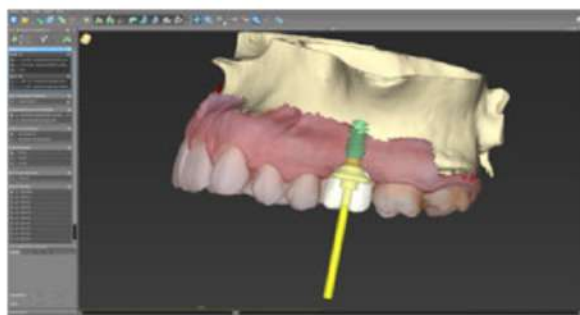
coDiagnostiX®

Các trụ lảnh thương giải phẫu (AHAs) được tích hợp vào quá trình lập kế hoạch trước phẫu thuật thông qua các công cụ kỹ thuật số trong coDiagnostiX®. Phần mềm chẩn đoán và lập kế hoạch Implant 3D này cho phép lập kế hoạch phẫu thuật một cách trực quan và bao gồm một thư viện kỹ thuật số toàn diện về các loại Implant.

Phần mềm này sử dụng dữ liệu hình ảnh y khoa của bệnh nhân từ các phim chụp CBCT (Cắt lớp vi tính chùm tia hình nón) hoặc DVT (Chụp cắt lớp thể tích kỹ thuật số) được xử lý bởi coDiagnostiX®. Điều này cho phép lập kế hoạch phẫu thuật chi tiết về loại Implant và vị trí cấy ghép, sau khi khảo sát cấu trúc xương và mô mềm còn lại sau nhổ răng. Phần mềm cũng cho phép mô phỏng trực quan thiết kế của Implant và abutment trong mối tương quan với giải phẫu xương của bệnh nhân, hỗ trợ lập kế hoạch điều trị chính xác và cá nhân hóa cho từng bệnh nhân.

Quy trình làm việc CARES® Synergy

CARES® Synergy cung cấp khả năng kết nối theo thời gian thực giữa phần mềm lập kế hoạch Implant (coDiagnostiX®) và phần mềm thiết kế của labo (ví dụ: Straumann® CARES® Visual), đồng thời mô phỏng trực quan mối tương quan giữa vị trí Implant dự kiến và phục hình dự kiến.



Smile in a Box®

Smile in a Box® là một dịch vụ tinh gọn, cung cấp giải pháp trọn gói cho các ca lâm sàng Implant, từ khâu lập kế hoạch điều trị kỹ thuật số cho đến việc cung cấp máng hướng dẫn phẫu thuật và phục hình.



3.2 Bước 2 – Đặt Implant

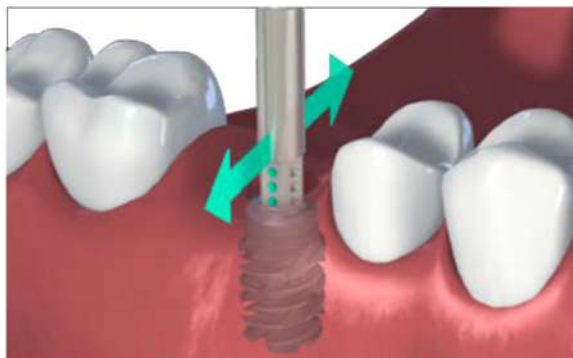
Để có hướng dẫn chi tiết về quy trình đặt Implant, vui lòng tham khảo các tài liệu sau:

- Hệ thống Implant Straumann® BLC, Thông tin tổng quan (705651/en)
- Hệ thống Implant Straumann® BLX, Thông tin tổng quan (702115/en)
- Dụng cụ Hệ thống Phẫu thuật có hướng dẫn Straumann®, Thông tin tổng quan (702526/en)

Lưu ý quan trọng: Để đảm bảo căn chỉnh chính xác AHA với Implant:

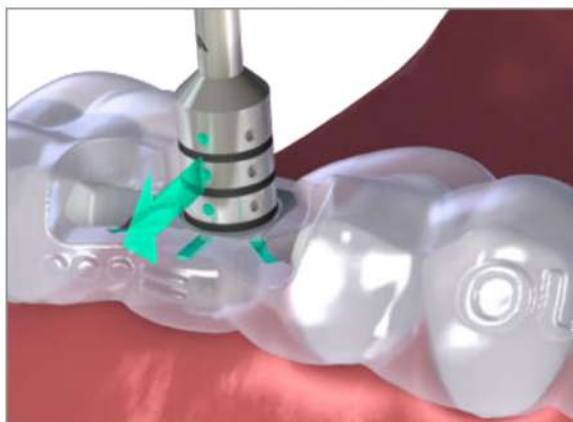
Đối với phẫu thuật đặt Implant freehand:

Căn chỉnh các chấm định hướng trên implant driver theo hướng ngoài - trong ở bước đặt Implant cuối cùng.



Đối với phẫu thuật có máng hướng dẫn:

Ở bước cuối cùng, đảm bảo rằng các chấm định hướng trên implant driver và các vạch đánh dấu hướng dẫn được căn chỉnh thẳng hàng theo hướng ngoài - trong, sao cho hướng của AHA đã lên kế hoạch khớp với hướng của Implant.



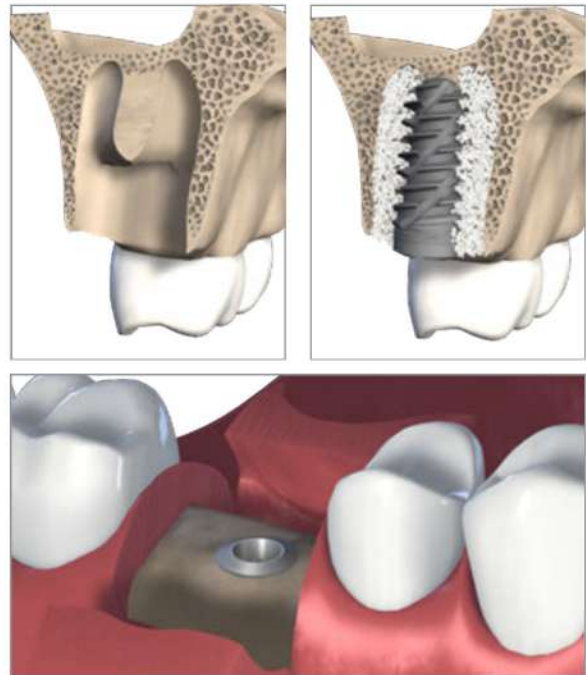
Sau khi đặt Implant, nhẹ nhàng rút implant driver có hướng dẫn ra theo chiều dọc. Đối với implant driver có hướng dẫn lưu giữ bằng vít, nới lỏng vít cố định và nhẹ nhàng rút ra theo chiều dọc.

Có thể dùng vật liệu sinh học để ghép đầy huyết răng quanh implant nếu cần thiết.

Lưu ý: Thông thường, AHA sẽ che khuất vùng cần ghép vật liệu sinh học. Do đó, ưu tiên sử dụng implant driver.

Có thể gắn trụ lành thương giải phẫu hoặc implant driver để che kín bề mặt kết nối của Implant trong quá trình ghép vật liệu sinh học.

Trước khi định vị trụ lành thương giải phẫu, cần đảm bảo rằng cấu trúc kết nối bên trong của Implant sạch sẽ, không dính máu và các chất bẩn khác.



3.3 Bước 3 – Lắp trụ lành thương giải phẫu STRAUMANN® XC

Các trụ lành thương giải phẫu XC có sẵn nhiều hình dạng và kích thước khác nhau để phù hợp với nhu cầu của từng bệnh nhân. Bước đầu tiên là lựa chọn đúng trụ lành thương giải phẫu XC, đảm bảo sự tương thích với giải phẫu của bệnh nhân. Quá trình này có thể được thực hiện theo một trong hai phương pháp sau:

Truyền thống: Lựa chọn ngay tại ghế nha, đo chiều cao nướu bằng cây đo túi nha chu

Hỗ trợ kỹ thuật số: Trụ lành thương giải phẫu Straumann® XC có thể được tích hợp vào quá trình lập kế hoạch trước phẫu thuật bằng các phần mềm lập kế hoạch như coDiagnostiX®.

Vật liệu PEEK của trụ lành thương giải phẫu Straumann® XC cũng cho phép các bác sĩ có thể điều chỉnh ngay tại ghế nha, đối với những ca yêu cầu một hình dạng đặc biệt. Mô tả chi tiết về các quy trình cụ thể được trình bày dưới đây.

3.3.1 Quy trình chuẩn AHA

Phần dưới đây mô tả các bước lâm sàng liên quan khi lắp Trụ lành thương giải phẫu XC mà không thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào về hình dạng trụ.

Bước 1 – Mở bao bì vô trùng

Mở vì hai lớp vô trùng chứa AHA



Bước 2 – Lấy AHA

Lấy AHA cùng với vít tự lưu giữ được lắp sẵn bằng driver vận vít SCS



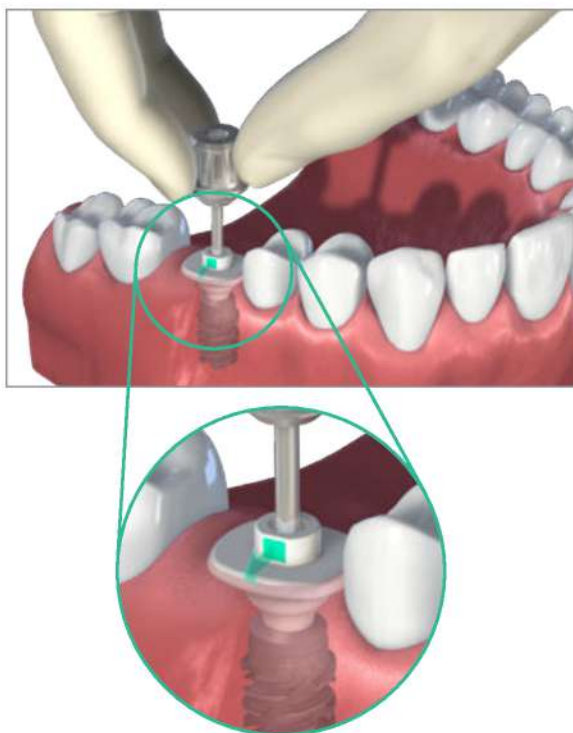
Bước 3 – Kiểm tra tránh làm rơi dụng cụ

Tránh làm rơi AHA và vít bằng cách đảm bảo driver vận vít SCS và vít ăn khớp hoàn toàn với nhau khi bạn lấy dụng cụ ra.



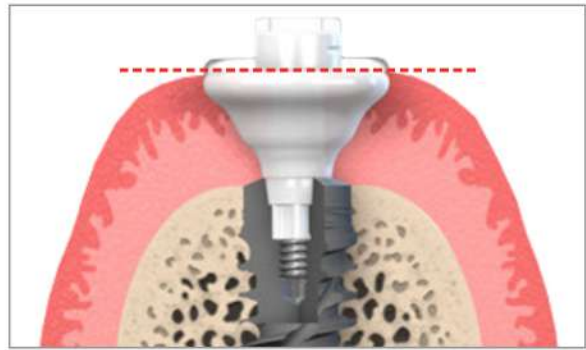
Bước 4 – Lắp đặt

Gắn AHA cùng với vít lên Implant bằng driver vận vít Straumann® SCS. Kiểm tra độ khít sát và đảm bảo AHA không bị lỏng theo chiều xoay hoặc chiều dọc bên trong Implant. Vận vít tự lưu giữ bằng tay (14 Ncm).



Lưu ý: Đảm bảo hướng mặt phẳng của AHA scanbody về phía ngoài má (không hướng về phía các răng kế cận). Tránh để AHA tiếp xúc với xương xung quanh Implant, hoặc với các răng kế cận và răng đối diện.

Lưu ý: Phần trên của AHA nên nằm ngang với bờ nướu (hoặc cao hơn một chút).



Bước 5 – Đóng lỗ vặn vít

Để bảo vệ đầu vít và ngăn sự xâm nhập của các mảnh vụn trong giai đoạn lành thương, đầu vít nên được che kín bằng bông gòn hoặc gutta-percha kết hợp với vật liệu trám bít (ví dụ: composite).

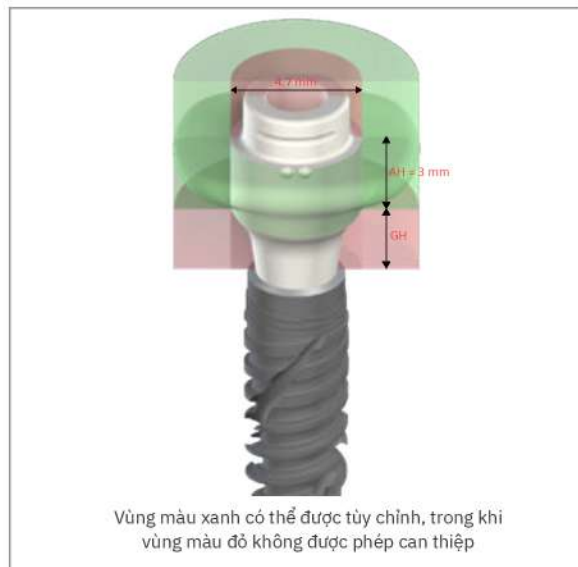


3.3.2 Quy trình tùy chỉnh trụ lành thương giải phẫu Straumann® XC

Những bước này mô tả các bước lâm sàng liên quan khi lắp trụ lành thương giải phẫu XC sau khi điều chỉnh hình dạng của Trụ lành thương giải phẫu Straumann® XC.

Lưu ý: Vui lòng tham khảo hình minh họa ở bên phải để hình dung các giới hạn điều chỉnh. Để bảo vệ dạng thoát đồng nhất của abutment sau cùng, chỉ được phép mài chỉnh tối đa 3 mm chiều cao tính từ mặt nhai trở xuống. Để duy trì chức năng quét dấu cần thiết của AHA, không được mài chỉnh một vùng hình tròn có đường kính 4,7 mm bao quanh trục trung tâm của ống vít.

Lưu ý: Để xem video hướng dẫn chi tiết về cách điều chỉnh và ghi dấu kỹ thuật số trụ lành thương giải phẫu Straumann® XC (AHA) đã được tùy chỉnh, vui lòng tham khảo:



Bước 1 – Cá nhân hóa

Thực hiện mài chỉnh AHA trên analog và/hoặc tay cầm phẫu thuật ở bên ngoài miệng tùy theo nhu cầu lâm sàng. Khuyến cáo sử dụng các bánh xe mài không sinh nhiệt và mũi phay khía chéo mới để thực hiện mài. Để tránh làm chảy polymer, điều chỉnh tốc độ mũi mài phù hợp (tốc độ chậm, áp lực nhẹ lên bề mặt).



Đặt AHA đã mài chỉnh vào mặt sau của tay cầm phẫu thuật TorcFit™ (066.4000), tại vị trí hốc để giữ các thành phần phục hình TorcFit™, hoặc sử dụng một Analog kỹ thuật số TorcFit™ phù hợp (Tham chiếu sản phẩm cho RB 065.0023 và cho WB 065.0024).



Bước 2 – Quét 360° dạng thoát mới

Thực hiện quét 360° dạng thoát mới đã được tùy chỉnh, cho phép kỹ thuật viên thiết kế CAD sao chép chính xác phần điều chỉnh này vào phục hình sau cùng.

Lưu ý: Đảm bảo tệp quét 360° cùng tệp quét trong miệng được cung cấp cho kỹ thuật viên thiết kế CAD/CAM để hai bản quét này có thể khớp với nhau.



Làm sạch và khử trùng

Làm sạch, khử trùng và tiệt trùng AHA đã mài chỉnh trước khi lắp vào miệng bệnh nhân. Vui lòng tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng để biết các khuyến cáo chi tiết về tiệt trùng và khử trùng.

Sau khi tiệt trùng, AHA đã sẵn sàng để lắp vào miệng bệnh nhân. Vui lòng làm theo các Bước 2 – 5 của quy trình chuẩn cho AHA đối với các thao tác tiếp theo.

Cẩn trọng trong thao tác:

- Các thành phần AHA được làm bằng vật liệu PEEK và có thể bị hư hỏng bởi các dụng cụ sắc nhọn.
- Tránh bóp hoặc tác dụng lực lên các vùng nhạy cảm, chẳng hạn scanbody ở phía mặt nhai.
- Nếu AHA không may bị hỏng, hãy sử dụng một thành phần AHA mới.

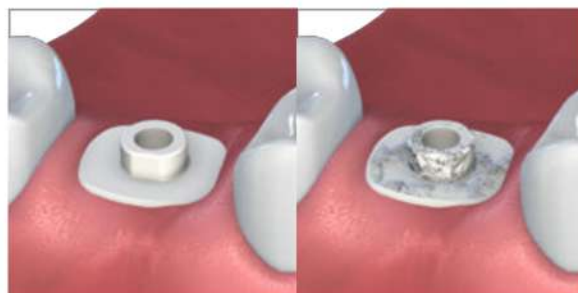
3.4 Bước 4 – Quét trong miệng

Việc quét dấu có thể được thực hiện vào ngày phẫu thuật hoặc sau giai đoạn lành thương. Vì AHA tích hợp trụ lành thương với scanbody, không được tháo trụ ra ở bước quét dấu trong quy trình. Đối với việc quét dấu sau giai đoạn lành thương, vui lòng kiểm tra bề mặt thân quét xem có hư hại nào không. Nếu có hư hại, không sử dụng thân quét đó, và lắp một thân quét mới để có thể xác định chính xác vị trí Implant.

Cảnh báo: Chức năng quét dấu của AHA chỉ nên được sử dụng cho các ca phục hình đơn lẻ.

Bước 1 – Làm sạch AHA

Trước khi bắt đầu giai đoạn quét dấu, đảm bảo AHA đã sạch, không có mảng bám có thể nhìn thấy bằng mắt và không quan sát thấy khiếm khuyết nào, đặc biệt là cấu trúc của scanbody. Bước chuẩn bị này rất quan trọng để thu được dấu kỹ thuật số chính xác.



Bước 2 – Quét dấu

AHA đã chuẩn bị sẵn sàng. Cần đảm bảo định hướng chính xác AHA trong quá trình lắp đặt, nhằm tránh gây biến dạng hoặc cung cấp thông tin quét không chính xác về vị trí của Implant, analog trên mẫu hàm hoặc abutment. Đồng thời, đảm bảo bản quét ghi lại chính xác bề mặt và các đường viền của AHA.



Tuân thủ các hướng dẫn quét dấu đi kèm với máy quét. Straumann khuyên sử dụng các máy quét Virtuo Vivo™, Straumann SIRIOS™ và TRIOS®.

Bắt đầu quét từ mặt nhai, và di chuyển sang mặt bên để ghi lại toàn bộ các chi tiết của AHA.

Kiểm tra lại bản quét để xác nhận rằng phần thân quét và các đường viền của AHA đã được ghi lại chính xác. Quét lại nếu cần thiết. Để đạt độ chính xác cao hơn, sử dụng chế độ quét độ phân giải cao nếu hệ thống có hỗ trợ.

Lưu ý: Thư viện AHA trong phần mềm thiết kế đã bao gồm dữ liệu về dạng thoát, do đó không cần thiết phải thực hiện thêm bước quét mô mềm như các quy trình quét trong miệng thông thường.



Straumann® khuyên chọn "Crown workflow" khi sử dụng các máy quét Straumann® SIRIOS™ và TRIOS®.

Lưu dữ liệu quét và xuất tệp theo định dạng được yêu cầu để phục vụ cho quá trình xử lý tại labo hoặc trên phần mềm CAD.

Lưu ý: AHA được sử dụng tương tự như bất kỳ scanbody/post kỹ thuật số nào khác. Bác sĩ lâm sàng quét dấu ca bệnh và gửi các bản quét cùng với số định danh AHA và định danh Implant đến labo để chế tác.

4. QUY TRÌNH LABO KHI LÀM VIỆC VỚI TRỤ LÀNH THƯƠNG GIẢI PHẪU STRAUMANN® XC

Quy trình labo cụ thể đối với Trụ lảnh thương giải phẫu Straumann® XC (AHA) bao gồm 4 bước:

- Bước 1 – Nhận diện AHA đã được quét dấu
- Bước 2 – Tải xuống hoặc sử dụng thư viện scanbody AHA
- Bước 3 – Tải xuống hoặc sử dụng thư viện dạng thoát AHA
- Bước 4 – Thiết kế phục hình sau cùng

4.1 BƯỚC 1 – XÁC ĐỊNH TRỤ LÀNH THƯƠNG GIẢI PHẪU STRAUMANN® XC

AHA được sử dụng tương tự như bất kỳ scanbody/post kỹ thuật số nào khác. Scanbody được tích hợp trên mặt nhai của AHA.

- Xác định hình dáng AHA (S, S1, M hoặc XL) dựa vào sơ đồ dưới đây

Hình dáng	S	S1	M	XL		
Ø và loại bề chuyển	Ø 3.8 mm RB/WB	Ø 3.8 mm RB/WB	Ø 3.8 mm RB/WB	Ø 4.5 mm RB/WB	Ø 5.5 mm WB	Ø 6.5 mm WB
GH 1.5 mm ●						
GH 2.5 mm ●●						

- Các chấm lõm trên mặt nhai hiển thị trong các tệp STL cho biết chiều cao nướu (GH) và đường kính bề implant (platform diameter - Ø)
- Số lượng chấm thể hiện chiều cao nướu (GH) của AHA: 1 chấm = GH 1.5 mm, 2 chấm = GH 2.5 mm.
- Vị trí của các chấm so với mặt phẳng của scanbody thể hiện đường kính platform (ví dụ: phía trên Ø 3.8 mm, phía dưới Ø 4.5 mm, bên trái Ø 5.5 mm, bên phải Ø 6.5 mm như thể hiện trong hình).

4.2 BƯỚC 2 & 3 – CẬP NHẬT CÁC TẬP THƯ VIỆN & TẢI XUỐNG DẠNG THOÁT AHA

Phần scanbody của AHA thể hiện vị trí và hướng của Implant tương ứng trong các quy trình quét dấu CAD/CAM. Điều này giúp phần mềm CAD/CAM căn chỉnh chính xác các phục hình CAD/CAM sau này. Có thể sử dụng các tệp quét sử dụng AHA trong các hệ thống thiết kế CARES® Visual, 3Shape và Exocad – các thư viện mới nhất dành cho phục hình trung tâm và phục hình tại chỗ của Straumann® có thể truy cập tại thư viện thiết kế CAD/CAM phục hình & Implant:



Ngoài các tệp thư viện, hãy tải xuống các tệp 3D dạng thoát dành cho phần mềm thiết kế CARES® Visual và 3Shape có tiêu đề “Anatomic Healing Abutment XC – Emergence Profile 3D-Files” như hình dưới đây

Lưu ý: Khi sử dụng 3Shape phiên bản DS 2024, không cần nhập các tệp 3D Dạng thoát. Phiên bản này được tích hợp sẵn tính năng tự động nhận diện, giúp tự động khớp với dạng thoát của AHA.



	Anatomic Healing Abutment XC (AHA) - Emergence Profile 3D-Files 3D-Files for Emergence Profile Design Reference 12. Aug 2024 ZIP, 4.6 MB 
	Straumann Anatomic Healing Abutment XC (AHA) Single Unit (local ... 3Shape DS 2021 - 1.1 12. Aug 2024 ZIP, 19.6 MB 
	Straumann Anatomic Healing Abutment XC (AHA) Single Unit (local ... 3Shape DS 2022 - 1.1 12. Aug 2024 ZIP, 19.6 MB 

4.3 BƯỚC 4 – THIẾT KẾ PHỤC HÌNH SAU CÙNG

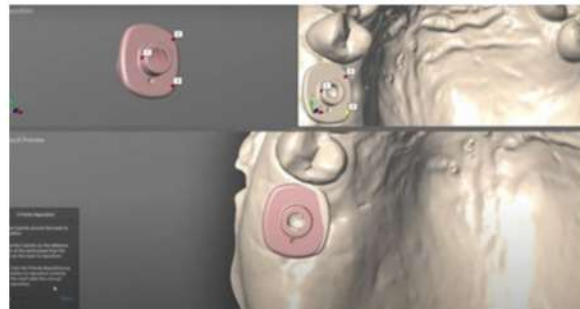
Bước 1 – Thiết lập ca lâm sàng và lựa chọn đúng thư viện AHA

Mở bản quét AHA trong phần mềm CAD của bạn. Đảm bảo rằng bản quét ghi lại chính xác bề mặt của AHA phần nằm trên nước.

Bước 2a – Quy trình chuẩn cho AHA

Chập dạng thoát AHA

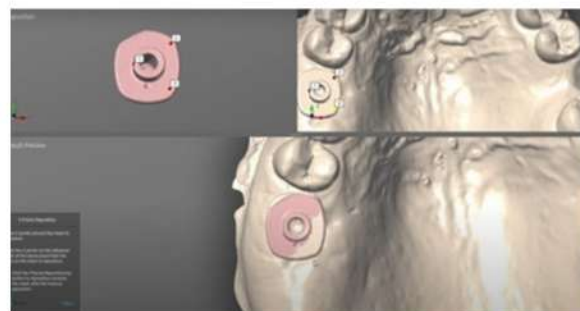
Sử dụng thư viện AHA trong phần mềm để căn chỉnh thiết kế mào răng khớp với bề mặt đã được quét của AHA. Điều chỉnh vùng kết nối để đạt được độ khít sát hoàn hảo.



Bước 2b – Quy trình đối với AHA tùy chỉnh

Khớp hình thể bề mặt nhìn thấy được của AHA tùy chỉnh

Đảm bảo tải lên tệp quét 360° đầu tiên để khớp với hình thể bề mặt nhìn thấy được của AHA đã điều chỉnh.



Bước 3 – Chập scanbody

Nên thực hiện thao tác định vị 3 điểm cho scanbody khi sử dụng phần mềm CARES® Visual.



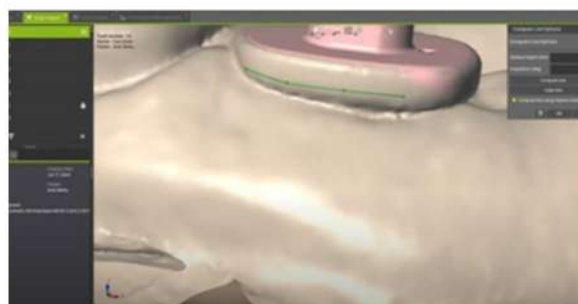
Thiết kế

Sử dụng các công cụ CAD để tạo hình mào răng, đảm bảo khớp cắn và các điểm tiếp xúc chính xác. Tuân thủ theo cấu trúc giải phẫu của bệnh nhân và các yêu cầu về phục hình.

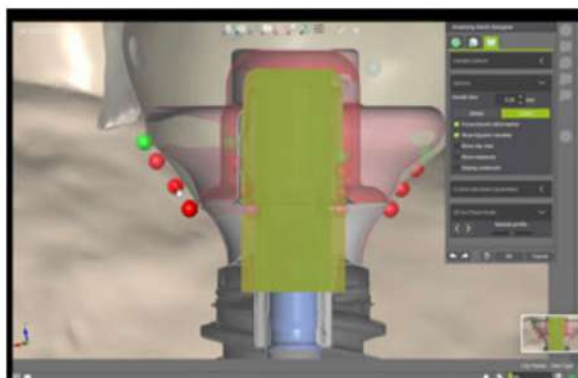


Sử dụng thư viện dạng thoát AHA để thiết kế dạng thoát cho mào sau cùng.

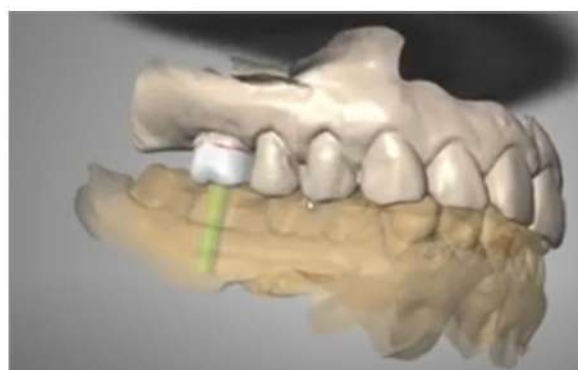
Có thể tải dạng thoát AHA tại Trung tâm thư viện Straumann dành cho phần mềm thiết kế CARES® Visual và 3Shape, với tiêu đề “Anatomic Healing Abutment XC – Emergence Profile 3D-Files”.



Tuân thủ chính xác biên dạng dưới nước của thư viện dạng thoát AHA hoặc tập quét 360° bằng cách điều chỉnh các điểm bề mặt.



Hoàn thiện thiết kế dựa theo cấu trúc giải phẫu cụ thể của bệnh nhân, sau đó gửi thiết kế Abutment tùy chỉnh nguyên khối hoặc thiết kế mào trên Variobase® đến Trung tâm chế tác của Straumann hoặc đối tác tại chỗ



Lưu ý: Danh sách các video hướng dẫn thiết kế tương thích với phần mềm CAD mà bạn đang sử dụng có thể tìm thấy tại đường dẫn sau:



5. CÁC LỰA CHỌN QUY TRÌNH PHỤC HÌNH

Các trụ lành thương giải phẫu XC (AHA) cung cấp nhiều lựa chọn phục hình khác nhau để phù hợp với các nhu cầu lâm sàng đa dạng. Những lựa chọn này bao gồm các giải pháp có sẵn như abutment Variobase®, cũng như các abutment cá nhân hóa được sản xuất từ bản thiết kế của bạn tại Trung tâm chế tác của Straumann hay tại chỗ

5.1 STRAUMANN® VARIOBASE®

Các thành phần phục hình Straumann® Variobase® mang lại cho các labo sự linh hoạt trong việc tạo ra các phục hình tùy chỉnh. Ngoài ra, abutment Variobase® còn mang lại lợi ích từ hệ thống kết nối Straumann® nguyên bản.



Lưu ý: Danh mục abutment tùy chỉnh hiện có sẵn; tuy nhiên, không phải tất cả các thiết kế đều sẽ được cung cấp.

Để biết các hướng dẫn chi tiết về phục hình sau cùng, vui lòng tham khảo tài liệu Straumann®Variobase, Basic information (702087/en).

5.2 PHÔI TRỤ PHỤC HÌNH CÁ NHÂN HÓA (PRE-MILLED) STRAUMANN®

Phôi trụ phục hình cá nhân hóa Straumann® cho phép gia công các abutment titanium tùy chỉnh nguyên khối nguyên bản của Straumann® bằng cách sử dụng các thiết bị phay tiện tại chỗ. Điều này cho phép chế tác chính xác trong khi vẫn duy trì được tính toàn vẹn của hệ thống kết nối implant - abutment Straumann® nguyên bản.

Phôi trụ phục hình cá nhân hóa Straumann® tương thích với Medentika Pre-Face® Blank Holder và Amann Girrbach Blank Holder sử dụng trong dòng Straumann® M



Để biết thêm các hướng dẫn chi tiết về phục hình sau cùng, vui lòng tham khảo tài liệu Straumann®Pre-milled abutment blank, Basic information (708406/en).

5.3 STRAUMANN UN!Q™

Straumann UN!Q™ là một dịch vụ được thiết kế nhằm hỗ trợ việc lập kế hoạch, thiết kế và sản xuất các phục hình cá nhân hóa. Giải pháp kết hợp này cho phép tùy chỉnh các phục hình trên Implant theo yêu cầu, đáp ứng các nhu cầu lâm sàng cụ thể. Đây là một lựa chọn hiệu quả để quản lý các ca lâm sàng trong những giai đoạn nhu cầu công việc tăng cao hoặc khi nguồn lực nội bộ bị hạn chế.



Lưu ý: Danh mục abutment tùy chỉnh hiện có sẵn; tuy nhiên, không phải tất cả các lựa chọn đều được cung cấp. Để biết các hướng dẫn chi tiết về phục hình sau cùng, vui lòng tham khảo tài liệu Straumann UN!Q™ (490.156/en).

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo các tài liệu sau:

- Straumann® BLC Implant System, Basic information (705651/en)
- Straumann® Bone Level Prosthetic Procedures, Basic Information (702061/en)
- Straumann® BLX Implant System, Basic information (702115/en)
- Straumann® iExcel surgical, Basic information (707743/en)
- Straumann® Guided Surgery System Instruments, Basic information (702526/en)
- Straumann® Consistent Emergence Profiles™ and healing abutment selection (704659/en)
- Straumann® Variobase®, Basic Information (702087/en)
- Straumann® CARES® Implant-borne prosthetics, Basic Information (702165/en)
- Straumann® CARES® Scan & Shape, Basic Information (702168/en)
- Straumann UN!Q™, Brochure(490.156/en)

7. DANH MỤC THAM KHẢO SẢN PHẨM

Mã sản phẩm	Hình ảnh	Tên sản phẩm	Mô tả	Vật liệu	
Dạng S					
064.4432S		RB/WB S Anatomic Healing Abutment XC	Ø 3.8 mm, GH 1.5 mm, H 4.5 mm, PEEK/TAN	PEEK/TAN	
064.4433S		RB/WB S Anatomic Healing Abutment XC	Ø 3.8 mm, GH 2.5 mm, H 5.5 mm, PEEK/TAN		
Dạng S1					
064.4514S		RB/WB S1 Anatomic Healing Abutment XC	Ø 3.8 mm, GH 1.5 mm, H 4.5 mm, PEEK/TAN		
064.4515S		RB/WB S1 Anatomic Healing Abutment XC	Ø 3.8 mm, GH 2.5 mm, H 5.5 mm, PEEK/TAN		
M shape					
064.4452S		RB/WB M Anatomic Healing Abutment XC	Ø 3.8 mm, GH 1.5 mm, H 4.5 mm, PEEK/TAN		
064.4453S		RB/WB M Anatomic Healing Abutment XC	Ø 3.8 mm, GH 2.5 mm, H 5.5 mm, PEEK/TAN		
Dạng XL					
064.4482S		RB/WB XL Anatomic Healing Abutment XC	Ø 4.5 mm, GH 1.5 mm, H 4.5 mm, PEEK/TAN		
064.4483S		RB/WB XL Anatomic Healing Abutment XC	Ø 4.5 mm, GH 2.5 mm, H 5.5 mm, PEEK/TAN		
064.8482S		RB/WB XL Anatomic Healing Abutment XC	Ø 5.5 mm, GH 1.5 mm, H 4.5 mm, PEEK/TAN		
064.4510S		RB/WB XL Anatomic Healing Abutment XC	Ø 5.5 mm, GH 2.5 mm, H 5.5 mm, PEEK/TAN		
064.4522S		RB/WB XL Anatomic Healing Abutment XC	Ø 6.5 mm, GH 1.5 mm, H 4.5 mm, PEEK/TAN		
064.4523S		RB/WB XL Anatomic Healing Abutment XC	Ø 6.5 mm, GH 2.5 mm, H 5.5 mm, PEEK/TAN		

Lưu ý: Khả năng cung cấp sản phẩm có thể thay đổi tùy theo từng thị trường

NOTES

 Trụ sở chính - TP.HCM:

Tầng 7, Toà nhà Charmington La Pointe, 181 Cao Thắng,
Phường Hoà Hưng, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 0949967909 (Mr. Thiện)

 Văn phòng Hà Nội:

Tầng 12A - Toà nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội
ĐT: 0349 586 838 (Mr. Hùng)

 Văn phòng Đà Nẵng:

30 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hoà Cường, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0934 950 203 (Mr. Chiến)